TS. NGUYỄN HỒNG ÂN

BẢO VẬT QUỐC GIA

VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

BIEN HOA - DONG NAI NATIONAL TREASURES

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI
DONG NAI PUBLISHING HOUSE

GIỚI THIỆU VỀ TÁC GIẢ

TS. NGUYỄN HỒNG ÂN

Sinh ngày: 09/02/1968 tại Quảng Nam

Chức vụ, đơn vị công tác: Phó giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0919693232

Tiểu sử tóm tắt:

+ Cử nhân Bảo tàng - Đại học Văn hóa Hà Nội.
+ Thạc sĩ Khảo cổ học - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
+ Tiến sĩ Khảo cổ học - Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Công trình nghiên cứu đã công bố:

+ Nguyễn Hồng Ân (2009), Di tích Khảo cổ học Cái Vạn (Nhơn Trạch - Đồng Nai), Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
+ Nguyễn Hồng Ân (2015), Những di tích Khảo cổ học cự thạch ở Đồng Nai trong khung cảnh Việt Nam và châu Á, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
+ Phạm Đức Mạnh, Nguyễn Giang Hải, Nguyễn Hồng Ân (2015), Hàng Gòn - Kỳ quan cự thạch Việt Nam; Khoa học Xã hội, Hà Nội.
+ Phạm Đức Mạnh, Nguyễn Hồng Ân (2020), Mộ cổ Đồng Nai; Nhà Xuất bản Đồng Nai.
+ Phạm Đức Mạnh, Nguyễn Hồng Ân (2021), Văn hóa Cái Vạn; Nhà Xuất bản Đồng Nai.

ABOUT THE AUTHOR

PhD. NGUYEN HONG AN

Date of birth: *09/02/1968 in Quang Nam.*

Position, working unit: *Deputy Director of Dong Nai Department of Culture, Sports and Tourism, Vice Chairman of Dong Nai Provincial Science and History Association.*

Phone: 0919693232

Brief biography:

+ *Bachelor of Museum - Hanoi University of Culture.*
+ *Master of Archeology - University of Social Sciences and Humanities - Vietnam National University, Ho Chi Minh City.*
+ *Doctor of Archeology - Academy of Social Sciences - Vietnam Academy of Social Sciences.*

Research published:

+ *Nguyen Hong An (2009), Cai Van Archaeological Site (Nhon Trach - Dong Nai), Master's Thesis, University of Social Sciences and Humanities - Vietnam National University, Ho Chi Minh City.*
+ *Nguyen Hong An (2015), Megalithic Archaeological Monuments in Dong Nai in Vietnam and Asia Context, Doctoral Thesis, Academy of Social Sciences - Academy of Social Sciences Vietnam.*
+ *Pham Duc Manh, Nguyen Giang Hai, Nguyen Hong An (2015), Hang Gon - Vietnam's megalithic wonder; Social Sciences, Hanoi.*
+ *Pham Duc Manh, Nguyen Hong An (2020), Dong Nai Ancient Tomb; Dong Nai Publishing House.*
+ *Pham Duc Manh, Nguyen Hong An (2021), Cai Van Culture; Dong Nai Publishing House.*

LỜI GIỚI THIỆU

Đồng Nai vùng đất mang tên dòng chảy huyết mạch của cả miền Đông Nam Bộ từng chứng kiến sự hình thành, phát triển của cả một cộng đồng người cổ quần tụ đông đảo, vùng đất từng chứa đựng trong lòng nó cả một phức thể di tích, di vật khảo cổ học quan trọng và xuyên suốt từ buổi đầu của thời đại Đồng sang sơ kỳ thời đại Sắt. Tất cả những địa điểm khảo cổ học trên vùng đất này chứng tỏ các thế hệ tiền nhân đã khởi nghiệp quả cảm và sáng tạo, bằng lao động khai phá và chiếm lĩnh, thích ứng với tự nhiên và xây đắp nên một trung tâm văn hóa Kim khí rực rỡ, một nền văn minh đặc sắc mà ngày nay chúng ta quen gọi là Văn minh sông Đồng Nai - một trong những trung tâm văn hóa cổ của Việt Nam.

Thời đại Đá cũ ở Đồng Nai gắn liền với địa danh Xuân Lộc. Trong các tư liệu khảo cổ học, khái niệm "Đá cũ Xuân Lộc" ban đầu để chỉ các công cụ do E. Saurin khám phá ở Hàng Gòn 6 và Dầu Giây 2. Thời đại kim khí ở Đồng Nai, theo phân kỳ của các nhà khảo cổ học, gồm hai giai đoạn phát triển: Đồng thau và Sắt sớm, trải dài từ cuối Thiên niên kỷ III - đầu Thiên niên kỷ II trước Công nguyên đến đầu Công nguyên. Một trong những thành tựu quan trọng bậc nhất của cả thời đại này là cộng đồng cư dân Tiền sử Đồng Nai đã từng bước nắm bắt và hoàn thiện tri thức về chế tác đá và thuật luyện kim, xây dựng nghề đúc đồng bản địa chuyên nghiệp. Di sản văn hoá nổi bật trong giai đoạn này là sưu tập đàn đá Bình Đa và sưu tập qua đồng Long Giao đã được công nhận là Bảo vật Quốc gia.

Văn hoá cổ ở Đồng Nai những thế kỷ đầu Công nguyên đã phát triển cùng với tiến trình phát triển chung của văn hoá đồng bằng Nam Bộ. Nhiều phát hiện khảo cổ học (23 địa điểm) và kết quả giám định niên đại C14, đối chiếu với các di tích ở miền Tây Nam Bộ, cho thấy văn hoá Óc Eo ở Đồng Nai trải qua hai giai đoạn: Óc Eo với 4 di tích: Gò Chiêu Liêu, Gò Ông Tùng thuộc huyện Long Thành; Cây Gáo I và Cây Gáo II thuộc huyện Vĩnh Cửu và những sản phẩm văn hóa đặc trưng của nó, tuy không dày đặc và phong phú như ở vùng châu thổ sông Cửu Long và hậu Óc Eo với các di tích: Đạ Lắk, Nam Cát Tiên thuộc huyện Tân Phú; Suối Ràng, Đồng Bơ, Bàu Sen thuộc huyện Vĩnh Cửu; Rạch Đông thuộc huyện Thống Nhất; Bến Gỗ, chùa Bửu Sơn, Cầu Hang, Tân Lại và nhiều di vật ở khu vực thành phố Biên Hòa. Cộng đồng cư dân văn hoá Óc Eo, hậu Óc Eo ở Đồng Nai là hậu duệ của cư dân Tiền - Sơ sử Đồng Nai. Di sản văn hoá nổi bật trong giai đoạn này là tượng thần Vishnu Bình Hoà đã được công nhận là Bảo vật Quốc gia.

Đồng Nai còn có các di tích kiến trúc đền tháp đạo Hindu - Ấn Độ giáo phát triển trên cơ sở truyền thống Văn hóa Óc Eo có kế thừa truyền thống Văn hóa Ăng-co để hình thành nền văn hóa bản địa, có thể gọi Văn hóa hậu Óc Eo. Đồng Nai xưa là vùng đệm giữa hai vương quốc Chân Lạp và Chămpa. Vết tích văn hóa Champa được tìm thấy trên đất Đồng Nai qua khảo cổ học chỉ tìm thấy một vài tượng thần của đạo Hindu - Ấn Độ giáo mang phong cách Champa ở thành phố Biên Hòa. Tượng thần Vishnu chùa Bửu Sơn (Biên Hòa) niên đại năm 1421 là cứ liệu quan trọng, trong đó nội dung văn bia nói đến một sự kiện lịch sử chiến tranh của một hoàng tử có tên Nauk Glaun Vijaya (Champa) sau khi giành được chiến thắng đã cho dựng tượng thần Tribhu Vanakranta (phù điêu thần Vishnu) bằng chiến lợi phẩm lấy được từ người Khmer.

Sách ảnh Bảo vật Quốc gia vùng đất Biên Hoà - Đồng Nai giới thiệu với bạn đọc về 3 hiện vật, nhóm hiện vật đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận Bảo vật Quốc gia và các hiện vật liên quan được sắp xếp theo tiến trình lịch sử để người đọc tiếp cận một cách toàn diện hơn về Văn minh sông Đồng Nai. Hiển nhiên, công trình cũng khó tránh được các hạn chế, sơ suất, một số ý kiến, luận điểm khoa học cũng như phương pháp thông tin vẫn còn tiếp tục thảo luận, nhưng tập sách ảnh này đến với bạn đọc vẫn là nguồn liệu tri thức khoa học - văn hóa có thông tin bổ ích, có thể tham khảo tốt với giới nghiên cứu Khảo cổ học và các khoa học liên quan, có thể làm tài liệu học tập cho sinh viên và nghiên cứu sinh, giúp cho các thế hệ trẻ thêm hiểu biết về truyền thống lao động sáng tạo và thông minh của các bậc tiền nhân trên mảnh đất Biên Hoà - Đồng Nai.

Xin trân trọng giới thiệu quyển sách này với bạn đọc gần xa./.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 5 năm 2023

Tác giả

TS. Nguyễn Hồng Ân

INTRODUCTION

Dong Nai, a land that is named after the vital flow of the entire Southeast region in Vietnam, has witnessed the formation and development of a community of ancient people. This area contains a complex of archaeological sites and artifacts, spanning from the early Bronze Age to the Iron Age. All these archaeological sites in this region attest to the courageous and innovative endeavors of our ancestors, who, through labor and exploration, adapted to and conquered nature, creating a flourishing center of metallurgical culture. This distinctive civilization, known today as the Dong Nai River Civilization, stands as one of Vietnam's ancient cultural centers.

The Old Stone Age in Dong Nai is closely associated with the place named Xuan Loc. In archaeological records, the concept of "Xuan Loc Old Stone" initially referred to the tools discovered by E. Saurin at Hang Gon 6 and Dau Giay 2. The Metal Age in Dong Nai, according to the chronological divisions of archaeologists, consisted of two stages of development: Bronze and Early Iron, spanning from the end of the 3rd millennium Before Common Era to the beginning of the Common Era . One of the most significant achievements of this era was the prehistoric community in Dong Nai gradually acquiring and perfecting knowledge of stone crafting and metalworking, establishing a professional local bronze casting industry. The cultural heritage prominent during this period includes the Binh Da lithophone collection and the Long Giao bronze collection, which have been recognized as national treasures.

The ancient culture in Dong Nai during the early centuries of the Common Era developed alongside the overall cultural development of the Southern Delta region. Numerous archaeological discoveries (at 23 sites) and radiocarbon dating results, cross-referenced with relics in the Southwestern region, indicate that the Oc Eo culture in Dong Nai went through two stages. The first stage includes four sites: Go Chieu Lieu and Go Ong Tung in the Long Thanh district; Cay Gao 1 and Cay Gao 2 in the Vinh Cuu district. Although its cultural artifacts are not as plentiful and abundant as those in the Mekong Delta and the later Oc Eo period, the stage encompasses relics such as Da Lak, Nam Cat Tien in Tan Phu district; Suoi Rang, Dong Bo, Bau Sen in Vinh Cuu district; Rach Dong in Thong Nhat district; Ben Go, Buu Son Pagoda, Cau Hang, Tan Lai, and various artifacts in Bien Hoa City. The communities of the Oc Eo and post-Oc Eo cultural heritage in Dong Nai are descendants of the prehistoric residents of Dong Nai. A notable cultural heritage during this period is the Vishnu Binh Hoa statue, recognized as a national treasure.

Dong Nai also boasts architectural relics of Hindu temples and towers, influenced by Indian Hinduism, developed on the foundation of the traditional Oc Eo culture and inherited the traditions of the Angkor culture, forming a local cultural phenomenon known as the post-Oc Eo culture. Dong Nai was once a buffer zone between the Champa and Khmer kingdoms. Traces of the Champa culture can be found in Dong Nai through archaeological excavations, where a few Hindu statues in the Champa style have been discovered in Bien Hoa City. The Vishnu statue at Buu Son Pagoda (Bien Hoa), dating back to 1421, serves as significant evidence. The inscriptions on the stele of the statue narrate a historical war event involving a prince named Nauk Glaun Vijaya (Champa), who, after achieving victory, erected the Tribhu Vanakranta deity (a relief of the god Vishnu) using spoils of war obtained from the Khmer people.

The photographic book "Precious National Treasures: The Land of Bien Hoa - Dong Nai " introduces readers to three artifacts, and the group of artifacts that have been recognized as National Treasures by the Prime Minister and the current artifacts, arranged according to the historical timeline, allowing readers to have a comprehensive understanding of the Dong Nai River Civilization. Actually, the work may still have limitations, shortcomings, and differing scientific opinions and perspectives, as well as ongoing discussions regarding information methods. However, this book still serves as a source of scientific and cultural knowledge, providing useful information for researchers in the field of archaeology and related sciences. It can be used as a study material for students and graduate students, helping the younger generations gain a deeper understanding of the creative and intelligent labor traditions of the ancestors on the land of Bien Hoa - Dong Nai.

We sincerely introduce this book to readers.

Dong Nai, May 26th, 2023

Author

PhD. Nguyen Hong An

BẢN ĐỒ PHÂN BỐ CÁC DI TÍCH KHẢO CỔ TIỀN - SƠ SỬ ĐỒNG NAI

MAP OF DISTRIBUTION OF PRE-HISTORY AND PRE-HISTORY ARCHAEOLOGICAL RECORDS OF DONG NAI

GHI CHÚ/*NOTE*

Di chỉ thời đại Đá cũ/ *Paleolithic sites*:

1. Phú Quý; 2. Dốc Mơ; 3. Cầu Sắt; 4. Dầu Giây; 5. Bình Xuân; 6. Suối Đá; 7. Núi Đất; 8. Hàng Gòn 6; 9. Cẩm Tiêm.

Di chỉ thời đại Kim khí/ *Metal Age site*:

1. Cầu Sắt; 2. Suối Linh; 3. Đồi Phòng Không; 4. Trảng Quân; 5. Hưng Thịnh; 6. Sông Mây; 7. Núi Gốm (Hàng Gòn 1); 8. Hàng Gòn 2; 9. Hàng Gòn 3; 10. Hàng Gòn 4; 11. Hàng Gòn 5; 12. Thới Giao; 13. Đồi Mít; 14. Đồi Xoài; 15. Sông Nhạn; 16. Phú Lộc; 17. Suối Rết Bắc; 18. Suối Rết Nam; 19. Võ Dõng I; 20. Võ Dõng II; 22. Bãi (Bến) Nồm; 23. Đồi Ba; 24. Suối Nho; 25. Suối Lu; 25. Suối Nhàn; 27. Suối Tre; 28. Thác Dài; 29. Quảng Hiền; 30. Gò Me (Thống Nhất) 31. Cù Lao Phố; 32. Bình Đa; 33. Phước Tân; 34. Cái Vạn; 36. Rạch Lá; 37. Gò Me (Vĩnh Thạnh); 38. Bình Xuân; 39. Suối Cả (Suối Quýt).

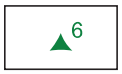

Di chỉ thời đại Sắt sớm/ *Early Iron Age site*:

1. Suối Chồn; 2. Dầu Giây; 3. Phú Hòa; 4. Mộ Cự Thạch; 5. Suối Đá; 6. Long Giao.

Cơ quan thành lập: Viện Khảo cổ học / *Established agency: Institute of Archeology*

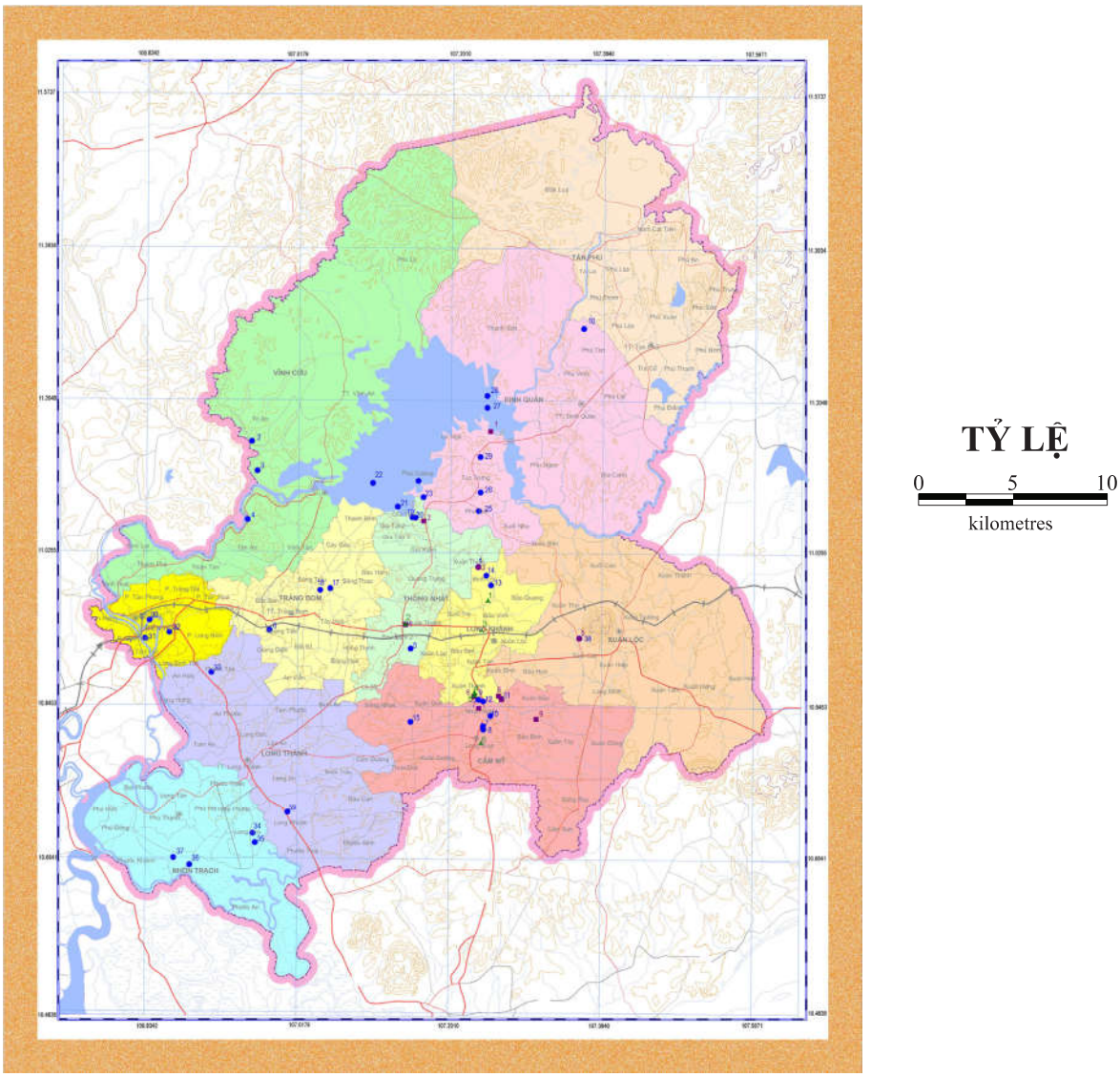

Những người thành lập: TS. Trịnh Hoàng Hiệp, TS. Nguyễn Hồng Ân
Founders: PhD. Trinh Hoang Hiep, PhD. Nguyen Hong An

DI TÍCH KHẢO CỔ HỌC BÌNH ĐA
THE BINH DA ARCHAEOLOGICAL SITE

SƯU TẬP ĐÀN ĐÁ BÌNH ĐA

Di tích khảo cổ học Bình Đa (tọa độ: N10º56'06" - E106º51'30") nằm trên triền Nam quả đồi thấp (cao 10-15m/mức nước sông) trải dài hướng Đông Tây bên bờ trái sông Cái - nhánh sông Đồng Nai. Các vết tích khảo cổ học (rìu bôn, bàn mài, đá có gia công, gốm vỡ) rải khắp bề mặt diện tích cỡ 35.000-75.000m² (500 x 150m). Đây là một trong những di tích phát hiện đầu tiên ở Nam Bộ, được khai quật hai lần vào năm 1979 (174m²) và năm 1993 (60m²), tầng văn hóa với nhiều phân lớp phức tạp dày nhất tới 2,9m, chứa đựng 13 cụm than tro, 140 cụm gốm, 8 cụm xương thú chôn trong nồi hũ gốm, 1670 đồ đá, hàng tạ xương răng thú và hàng vạn mảnh gốm vỡ.

Với khối tư liệu đồ sộ của hai lần khai quật, di tích Bình Đa, cùng với Dốc Chùa cách đó 20km theo đường sông Đồng Nai và Cái Vạn - Bưng Bạc nơi cửa sông cận biển mang tầm vóc các "thị trấn" trung tâm lưu vực, các "di chỉ - xưởng" chế tác đá phục vụ nhu cầu nông nghiệp, thủ công và giao thương vào khoảng nửa cuối thiên niên kỷ II - đầu thiên niên kỷ I BC, với kết quả C14 mẫu than tro sâu 1,9m cho niên đại 3180 ± 50 BP. Đặc biệt, Bình Đa còn là công xưởng chuyên chế tác đàn đá, với 51 thanh, đoạn còn nguyên hình hay chế tác dang dở. Tất cả 47 thanh, đoạn, mảnh đàn đá trong hố khai quật năm 1979 nằm rải thành các cụm trên diện tích 3,8m (Đông Tây) x 1,9m (Bắc Nam) trong tầng văn hóa màu nâu tơi xốp, độ sâu cách nền đồi 55-90cm ken dày gốm vỡ, công cụ lao động đá - chứng tích của làng cổ - xưởng chế tác đàn đá Bình Đa. Trong sưu tập đàn đá có 5 tiêu bản nguyên, 15 đoạn đầu và 20 đoạn thân, cùng các mảnh vỡ rìa khác nhau.

Đàn đá (Lithophone) là một trong những loại hình di vật khảo cổ học tiêu biểu vào bậc nhất của văn hóa vật chất thời nguyên thủy ở miền Nam Việt Nam. Nó "có tiếng ngân vang trong trẻo tạo nên mỹ cảm âm nhạc" (Tô Vũ, 1994). Nó có tuổi "cổ nhất thế giới" (Schaeffner, A. 1951) và "nó không giống bất cứ một nhạc cụ nào mà khoa học đã biết" (Sadorov, R.L. 1962). Từ gần bảy thập kỷ nay, sản phẩm văn hóa đặc sắc này phần lớn chỉ được phát hiện ngẫu nhiêu, rất hiếm khi phát hiện nguyên trạng trong lòng đất cổ xưa, đi kèm theo các chứng tích không lời khác.

Tháng 12/1979, lần đầu tiên đã khai quật được trong di chỉ khảo cổ Bình Đa 47 thanh đàn và phiến đoạn của đàn đá cùng nằm chung với các loại rìu đá, đục đá. Việc phát hiện được đàn đá Bình Đa cùng với các công cụ bằng đá và đồ gốm cổ từ trong di chỉ khảo cổ học là một sự kiện rất quan trọng giúp cho các nhà nghiên cứu có thể giải đáp được một cách chính xác câu hỏi về niên đại. Sự phát hiện quan trọng này đã đem lại đầy đủ cứ liệu để xác nhận truyền thống chế tác đàn đá ở Việt Nam đã xuất hiện trước đây 3000-4000 năm.

Với sự hiện diện các công xưởng chuyên chế đàn đá Việt Nam ở Bình Đa, Suối Linh (Đồng Nai), Gò Đá, Cù Lao Rùa (Bình Dương), Đa Kai (Bình Thuận) và cả ở Dốc Gạo (Khánh Hòa), cùng nguồn tư liệu khảo cổ học phong phú hiện nay, khẳng định những bậc thầy thực sự của đàn đá Tiền sử chính là các cộng đồng cư dân bản địa, chủ nhân ông đích thực của các nền văn hóa cổ xưa từng chế ngự, lao động cần mẫn và sáng tạo nơi miền cao nguyên và đồng bằng châu thổ ven biển Đông phía Nam Việt Nam ngày nay.

Những khám phá và nghiên cứu chuyên khảo ghi nhận chắc chắn rằng đàn đá Tiền sử chính là nhạc cụ cổ xưa tiêu biểu nhất trong tri thức âm nhạc cổ truyền với các sản phẩm nhạc cụ thuộc bộ gõ và bộ rung truyền thống của họ. Người thợ làm đàn đá Bình Đa xưa chắc chắn có kinh nghiệm làm đàn phong phú, kỹ thuật chế tác thành thạo, tài nghệ của họ được lưu lại đậm nét trên tất cả các dấu ghè đẽo trực tiếp và gián tiếp, các dấu tu chỉnh cẩn thận, tỉ mỉ, các lớp ghè chỉnh lớn, nhỏ, nông sâu, chồng chất nhau ghi nhận tiến trình đẽo đi đẽo lại nhiều lần trên từng thanh đàn đá. Các hướng ghè đẽo, đục chỉnh thường từ các rìa cạnh đầu và thân hướng tâm, độ nông phổ biến trong khoảng 2-5mm với xu hướng sâu phía ngoài và cạn dần vào trong thân.

Đặc điểm chung của kỹ thuật đục với trình độ tay nghề điêu luyện, tinh xảo hiển thị ở mọi công đoạn làm đàn Bình Đa, từ khâu ghè mặt thân bằng cách dựng đứng thanh đá theo chiều ngang, rồi đục đẽo bớt bề dày thanh đá, góc đục hơi nghiêng về phía ngoài để tạo thân dày giữa và mỏng dần về hai rìa cạnh. Tiếp theo khâu đục tạo dáng thân là tu sửa hai rìa cạnh, tạo diện ghè thẳng góc với mặt thân đục tách những mảnh nhỏ (giàn nhỏ có 7 thanh đoạn còn diện ghè trên toàn bộ rìa cạnh một mặt thân, 4 đoạn còn diện ghè trên một khúc và 6 đoạn không có diện ghè; giàn lớn có 2 đoạn còn diện ghè trên toàn bộ rìa cạnh).

Trên bề mặt khá phẳng của các diện ghè ấy, người thợ dựng các thanh đá theo chiều ngang có độ nghiêng thích hợp để đục tách những vảy đá nhỏ và ngắn theo trình tự lần lượt từng mặt của mỗi rìa cạnh, tạo dáng cạnh có góc nhọn hoặc góc tù khác nhau (giàn nhỏ có 10 thanh đoạn có dấu sẹo này trên hai rìa cạnh ở một mặt thân, có 7 đoạn được đục tách vảy trên hai rìa cạnh ở cả hai mặt thân, giàn lớn có 7 đoạn đục tách vảy trên hai rìa cạnh ở một mặt thân và có 6 đoạn đục tách vảy trên hai rìa cạnh ở cả hai mặt thân).

Với những thanh nguyên và các đoạn đầu đàn, còn thấy các dấu đục rìa đầu tạo dáng thẳng ngang hay hơi xiên và cả dấu cưa hoặc kỹ thuật ghè chặt cạnh. Các rìa đầu cong thường sử dụng kỹ thuật ghè chỉnh giống ở hai rìa cạnh thanh đá. Về cơ bản, các vết tích gia công hiển thị đầy đủ quy trình kỹ thuật chặt chẽ với những thủ pháp ghè đẽo đục tách và tu chỉnh thành thục trên mọi thanh đoạn đàn đá từ khâu tạo dáng phác vật đầu tiên đến thành phẩm hoàn chỉnh. Về cơ bản, những thanh, đoạn đàn đá Bình Đa khá thống nhất và ổn định về hình dáng, đều thuộc dạng phiến đá dài, thẳng, dẹt, bề ngang hẹp, quan hệ tỷ lệ giữa dài/rộng dao động trong khoảng 2,5-4, bề rộng so với bề dày trong khoảng 3,1- 4,06, hiệu số đầu lớn và giữa (hoặc đầu nhỏ) về chiều rộng dao động 1,9-4,3 và về bề dày 0,55-1,55. Những thông số phản ánh phần nào sự ổn định về quy cách, về mực thước chung của các thanh đàn đá Bình Đa.

Tất cả các thanh, đoạn đàn đá đều được làm bằng một loại đá phiến đốm có âm thanh phát ra vừa vang, vừa trong, khi gõ trên mặt đá. Đặc tính "kêu hay và vang" ấy đã hấp dẫn trước hết và khiến người xưa đã chọn loại đá này để làm đàn đá. Ngoài ra phiến đốm trong tự nhiên thường ở dạng kết thành lớp, dễ tách thành những tấm đá dài, dẹt, phẳng, thẳng, phù hợp với dáng chung của những thanh đàn. Phiến đốm lại có độ cứng vừa phải, nên đục đẽo tạo dáng chỉnh hình dễ đạt tới mức chính xác như ý muốn. Mặt khác, với thể trọng tương đối nhẹ, phiến đốm dễ dàng hơn trong sử dụng. Nó vừa có đặc tính "kêu hay" lại còn có đặc tính dễ làm cho "kêu đúng", hợp với ý muốn của người thợ làm đàn đá và người dùng đàn. Đối với những thanh còn nguyên và những đoạn phía đầu của thanh đá, chúng ta có thể thấy những vết ghè đục ở các cạnh rìa. Những rìa đầu có dáng thẳng ngang hoặc hơi xiên được tạo nên bởi kỹ thuật cưa hoặc ghè. Những rìa đầu có dáng hình cung đều còn thấy rõ dấu đục giống như trên các diện ghè còn sót ở các rìa cạnh.

Việc đục đẽo đều tuân thủ theo một phương pháp, một thao tác nhất định. Có thể coi chúng là sản phẩm gần như được làm theo một tiêu chuẩn ổn định. Không một thanh, một đoạn nào không có đầy đủ dấu ấn của quy trình kỹ thuật ấy, không một bộ phận nào của đàn không có mặt vết tích của phương pháp đục, của thao tác kỹ thuật như vậy. Đây là đặc trưng thống nhất của tất cả những thanh, đoạn, mảnh đàn đá trong di tích khảo cổ Bình Đa.

Trong nhận thức chuyên ngành khảo cổ học, giờ đây, niên biểu tương đối của các khám phá thạch cầm ngẫu nhiên ở Nam Trường Sơn chỉ có thể bằng phân tích so sánh loại hình học (Typology) của chúng với chính các "giàn", "bộ" đàn chuẩn ở Lộc Hòa, Đa Kai, kể cả các thanh, đoạn đàn nguyên hình ở Bình Đa - di sản đàn đá có địa tầng văn hóa khảo cổ học chứa đựng chứng tích hoạt động con người đương thời ở cả miền văn hóa này. Chúng ta không chỉ thấu hiểu "chuỗi nhạc" của đàn đá, mà còn có thể hiểu chính xác thêm nữa niên biểu sáng chế và sử dụng đàn đá "cổ nhất" Việt Nam trong thời kỳ Đá - Đồng và thời đại Kim khí - thời điểm mà "loài người biết đến âm giai có 5 âm trở nên" và đã biết "phân biệt được các bán âm". Sự gần gũi về chất liệu đá sừng, các đặc trưng chung về kỹ nghệ chế tác và cấu tạo hình dáng di vật đàn đá Lộc Hòa, Đa Kai (các tiêu chí tương ứng về kích thước, trọng lượng và mặt cắt ngang thân từng cá thể) so với các sưu tập đàn đá được đưa lên khỏi tầng văn hóa khảo cổ học Tiền sử ở Bình Đa...

Các giàn đàn đá hoàn chỉnh đưa lên từ lòng đất Lộc Hòa, Đa Kai, kể cả sưu tập đàn đá được đưa lên khỏi tầng văn hóa khảo cổ học Tiền sử ở Bình Đa như là những sáng tạo văn hóa nghệ thuật âm nhạc bản địa đặc sắc, là tiếng nhạc rừng của riêng miền cao nguyên Tây Nguyên và đồng bằng châu thổ Nam Bộ Việt Nam từ nửa cuối Thiên niên kỷ II đến khoảng giữa Thiên niên kỷ I trước Công nguyên trong nền cảnh chung của "Sự gắn bó có tính truyền thống của nền âm nhạc cổ truyền ở đất nước ta trên nền tảng văn hóa Đông Sơn trong vùng Đông Nam Á. Đàn đá ở đồng bằng Nam Bộ xưa tuy có những đặc trưng riêng nhưng vẫn hàm chứa trong mình nét nhạc trong văn hóa Đông Sơn thuở ấy"./.

THE BINH DA STONE ENSEMBLE COLLECTION

The Binh Da archaeological site (coordinates: N10°56'06" - E106°51'30") is located on the southern terrace of a low hill (10-15m above the river level) stretching from east to west along the left bank of the Cai River, a branch of the Dong Nai River. Archaeological traces such as stone axes, grinding tables, processed stones, and pottery fragments are scattered over an area of approximately 35,000-75,000 square meters (500 x 150m). This is one of the earliest discovered sites in the Southern region and was excavated twice, in 1979 (174 square meters) and 1993 (60 square meters). The cultural layer is the thickest and most complex, reaching up to 2.9 meters in depth. It contains 13 charcoal clusters, 140 pottery clusters, 8 clusters of animal bones buried in ceramic pots, 1670 stone objects, quintals of animal bones and teeth, and numerous fragments of broken pottery.

With the extensive material from the two excavations at the Binh Da site, along with the Doc Chua site located 20 kilometers away along the Dong Nai and Cai Van-Bung Bac rivers, which served as central "towns" in the region, as well as the "workshops" for stone production to meet agricultural, craft, and trade needs from the second half of the 2nd millennium BCE to the early 1st millennium BCE, radiocarbon dating of charcoal samples at a depth of 1.9 meters yielded a date of 3180 ± 50 BP. In particular, Binh Da was a specialized workshop for producing stone musical instruments, with 51 intact or partially crafted bars remaining. All 47 bars and fragments of musical instruments excavated in 1979 were found scattered within an area measuring 3.8m (east-west) x 1.9m (north-south) in a brownish and friable cultural layer, at a depth of 55-90cm above the hillside surface covered with pottery fragments. These stone tools are evidence of the ancient village and the Binh Da Lithophone workshop. The collection of Lithophones includes 5 intact bars, 15 bar segments, 20 body segments, and various other broken fragments.

The stone musical instrument (lithophone) is one of the most representative archaeological artifacts of the material culture during prehistoric times in southern Vietnam. It possesses a "resonant and melodious sound, creating aesthetic musical tones" (Tô Vũ, 1994). It is considered the "oldest in the world" (Schaeffner, A. 1951) and "unlike any other musical instrument known to science" (Sadorov, R.L. 1962). For nearly seven decades, this exceptional cultural product has mostly been discovered by chance, rarely found intact in ancient underground sites, often accompanied by other non-verbal evidence.

In December 1979, for the first time, 47 lithophone bars and fragments were excavated in the archaeological site of Binh Da, along with stone axes and chisels. The discovery of the Binh Da lithophone, along with stone tools and ancient pottery from the archaeological site, was a significant event that allowed researchers to accurately answer questions about its age. This important discovery provided sufficient evidence to confirm that the tradition of lithophone craftsmanship in Vietnam dates back 3000-4000 years.

With the presence of specialized lithophone workshops in Binh Da, Suoi Linh (Dong Nai), Go Da, Rua Island (Bình Dương), Da Kai (Bình Thuận), and even in Doc Gao (Khánh Hòa), along with the rich archaeological evidence available today, it confirms that the true owners of the prehistoric lithophones are the indigenous communities, the true masters of ancient cultures who diligently and creatively labored in the highlands and coastal plains of southern Vietnam along the eastern coastline of the East Sea.

The discoveries and specialized research confirm that prehistoric lithophones are the most representative ancient musical instruments of traditional music knowledge, with their percussion and resonance instruments. The ancient artisans of Binh Da who crafted the lithophones undoubtedly possessed extensive experience in instrument making, proficient craftsmanship, and their artistic skills are evident in all direct and indirect carving marks, meticulous adjustments, and careful layering of different depths and sizes, documenting the repeated carving and refining process on each lithophone bar. The carving and shaping directions usually start from the edges of the heads and taper towards the center of the body, with a common depth ranging from 2-5mm, gradually deepening towards the outer part and gradually thinning towards the core.

The common characteristic of the intricate carving technique, demonstrating the skilled craftsmanship, can be observed in every stage of crafting the Binh Da lithophones. The process begins with the vertical carving of the stone bars, followed by gradually reducing the thickness of the bars, with the carving angle slightly inclined outward to create a thicker body in the center and gradually thinner towards the two edges. The next step is to carve and shape the body by adjusting the two edge lines, creating a straight-angled grinding face with the body surface. In the case of small lithophones, there are 7 sections with a grinding face along the entire edge on one side of the body, 4 sections with a grinding face along a portion of the body, and 6 sections without a grinding face. For larger lithophones, there are 2 sections with a grinding face along the entire edge.

On the relatively flat surface of these grooves, the craftsman places the stone bars horizontally at an appropriate angle to carve and separate small and short stone flakes in a sequential order on each face of each edge, creating edges with different acute or obtuse angles (small frames have 10 sections with these scars on both edges of one face of the body, with 7 sections carved and separated flakes on both edges of both faces of the body, large frames have 7 sections carved and separated flakes on one face of the body, and 6 sections carved and separated flakes on both edges of both faces of the body).

With the intact bars and the end sections of the lithophone, one can still observe the marks of straight or slightly slanted edge carving, as well as saw marks or tight grooving techniques. The curved edges typically employ the same grooving technique as the two edge sides of the stone bars. Essentially, the manual processing marks demonstrate a complete and meticulous technical process involving grooving, carving, separating, and fine-tuning on each section of the lithophone, from the initial shaping of the rough head to the finished product. In essence, the stone bars and sections of the Binh Da lithophone exhibit a considerable eveness and stability in shape. They are elongated, straight, flat, with narrow width, and have proportional relationships between length/width ranging from 2.5 to 4, width-to-thickness ratio ranging from 3.1 to 4.06, a large-to-middle (or small) head ratio in terms of width ranging from 1.9 to 4.3, and in terms of thickness ranging from 0.55 to 1.55. These parameters partly reflect the stability in terms of dimensions and overall size of the Binh Da stone lithophone sections.

All the stone bars and sections of the lithophone are made of a spotted stone that produces a resonant and clear sound when struck on the stone surface. The characteristic of a "clear and resonant" sound has attracted ancient people to choose this type of stone for making the lithophone. Additionally, the natural spotted stone typically occurs in layered formations, making it easy to split into long, flat, straight slabs that are suitable for the general shape of the lithophone bars. The spotted stone has a moderate hardness, making it easy to carve and shape with precision as desired. On the other hand, due to its relatively light weight, the spotted stone is easier to handle. It not only possesses the characteristic of a "nice sound" but also allows for easy adjustment to achieve the desired sound, meeting the preferences of both the lithophone craftsmen and users. For the intact bars and the sections at the ends of the stone bars, we can observe grooving marks on the edge sides. The straight or slightly slanted edges are created through sawing or grooving techniques. The curved edges still bear visible grooving marks similar to the remaining grooves on the edge sides.

The carving follows a specific method and technique consistently. They can be considered as products made according to a stable standard. There is not a single bar or section that lacks the marks of that technical process, and every part of the lithophone bears the traces of the carving method and technique. This is the unified characteristic of all the bars, sections, and fragments of the Binh Da archaeological site.

In the field of archaeology, the relative chronology of random lithophone discoveries in the Southern Truong Son region can now only be established through comparative analysis of their typology with the standard "system" and "set" of lithophones in Loc Hoa, Da Kai, including the intact bars and sections of lithophones found in Binh Da - the heritage site of lithophones with a cultural archaeological stratigraphic layer containing evidence of contemporary human activities in this cultural region. We not only understand the "musical sequence" of the lithophones but can also accurately determine the timeline of invention and use of the "oldest" lithophones in Vietnam during the Stone-Bronze and Metallurgical Ages - a time when "humans became aware of the pentatonic scale" and "distinguished different semitones." The close relationship in terms of material, common characteristics of craftsmanship and structural design between the Loc Hoa and Da Kai lithophones (corresponding criteria of size, weight, and cross-sectional shape of each individual) compared to the collections of lithophones unearthed from the prehistoric archaeological layers in Binh Da...

The complete sets of lithophones unearthed from Loc Hoa, Da Kai, including the collections of lithophones from the prehistoric archaeological layers in Binh Da, are considered unique indigenous cultural and artistic musical creations, representing the forest music of the Central Highlands and the Southern Plains of Vietnam from the late 2nd millennium BCE to the mid-1st millennium BCE in the general context of the "traditional bonding of the traditional music in our country on the foundation of Dong Son culture in the Southeast Asia region." Although the lithophones in the Southern Plains of Vietnam have their own distinctive features, they still contain the musical essence within the Dong Son culture of that era.

KHAI QUẬT DI TÍCH BÌNH ĐA NĂM 1979

DISCOVERING THE BINH DA ARCHAEOLOGICAL SITE IN 1979

KHAI QUẬT DI TÍCH BÌNH ĐA NĂM 1993

DISCOVERING THE BINH DA ARCHAEOLOGICAL SITE IN 1993

PGS. TS Nishimura Masanari và PGS.TS Bùi Chí Hoàng điền dã, nghiên cứu di tích Bình Đa.

Associate Professor. Dr. Nishimura Masanari and Associate Professor Dr. Bui Chi Hoang did fieldwork and researched Binh Da relics.

SƯU TẬP ĐÀN ĐÁ BÌNH ĐA
THE BINH DA LITHOPHONE COLLECTION

79BĐ116

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 2.050
Số lượng *(Quantity)*: 1
Màu sắc *(Color)*: Xám xanh *(Blue gray)*
Tình trạng *(Status)*: Nguyên *(Intact)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 31,5
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 13,4
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 13,2
Dày nhất *(Thickest)*: 3
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 2,4

79BĐ129

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 4.850
Số lượng *(Quantity)*: 1
Màu sắc *(Color)*: Nâu *(Brown)*
Tình trạng *(Status)*: Nguyên *(Intact)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 32
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 17,8
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 14,3
Dày nhất *(Thickest)*: 5,8
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 4,2

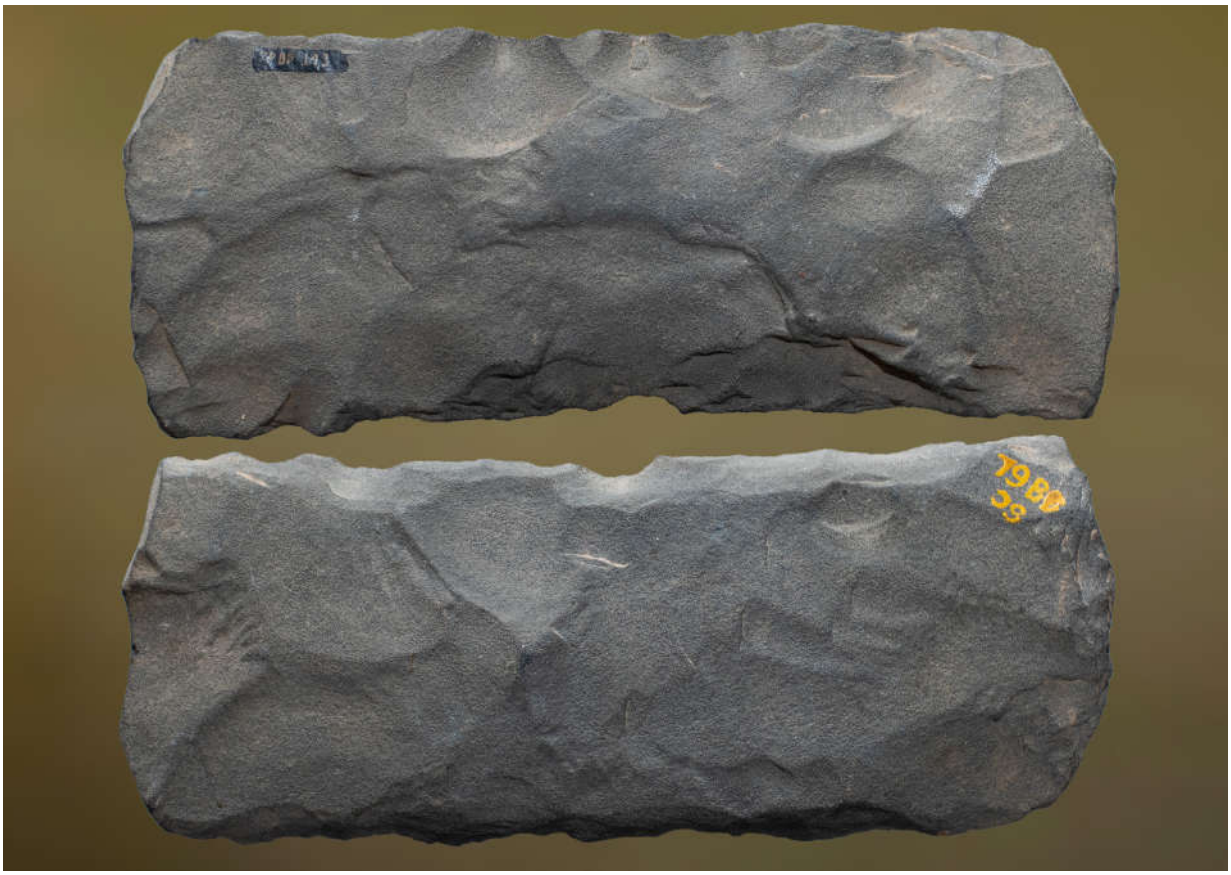

79BĐ143

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 1.400
Số lượng *(Quantity)*: 1
Màu sắc *(Color)*: Xám xanh *(Blue gray)*
Tình trạng *(Status)*: Nguyên *(Intact)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 25,5
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 10,4
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 9,9
Dày nhất *(Thickest)*: 3
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 1,8

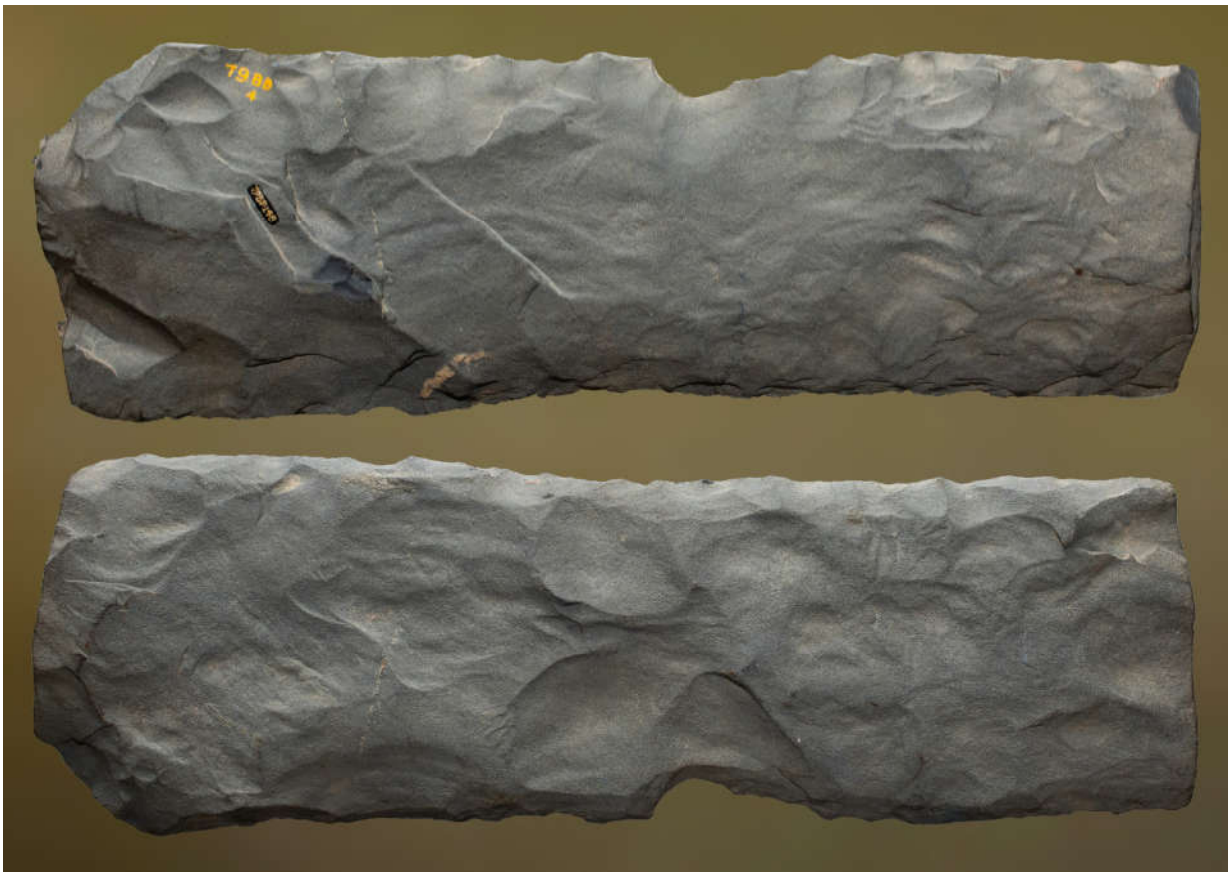

79BĐ148

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 4.300
Số lượng *(Quantity)*: 1
Màu sắc *(Color)*: Xám xanh *(Ble gray)*
Tình trạng *(Status)*: Nguyên *(Intact)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 47
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 15,3
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 13,3
Dày nhất *(Thickest)*: 3,4
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 2,9

79BĐ159

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 3.500
Số lượng *(Quantity)*: 1
Màu sắc *(Color)*: Xám nâu *(Brown gray)*
Tình trạng *(Status)*: Nguyên, bề mặt bị phong hóa *(Intact, weathered surface)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 36
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 15,3
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 14,7
Dày nhất *(Thickest)*: 4,6
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 3,2

79BĐ117-79BĐ160

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 5.800
Số lượng *(Quantity)*: 2
Màu sắc *(Color)*: Xám xanh *(Blue gray)*
Tình trạng *(Status)*: Bị gãy đôi *(Bronken in half)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 41
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 18,8
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 15,6
Dày nhất *(Thickest)*: 5,2
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 3,6

79BĐ119-79BĐ127

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 2.450
Số lượng *(Quantity)*: 2
Màu sắc *(Color)*: Xám xanh *(Blue gray)*
Tình trạng *(Status)*: Bị gãy đôi *(Bronken in half)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 33
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 13,9
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 12,9
Dày nhất *(Thickest)*: 3,3
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 2,5

79BĐ120-79BĐ136

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 2.050
Số lượng *(Quantity)*: 2
Màu sắc *(Color)*: Xám xanh *(Blue gray)*
Tình trạng *(Status)*: Bị gãy giữa *(Bronken in middle)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 40,5
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 12,3
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 10,7
Dày nhất *(Thickest)*: 3,2
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 2,7

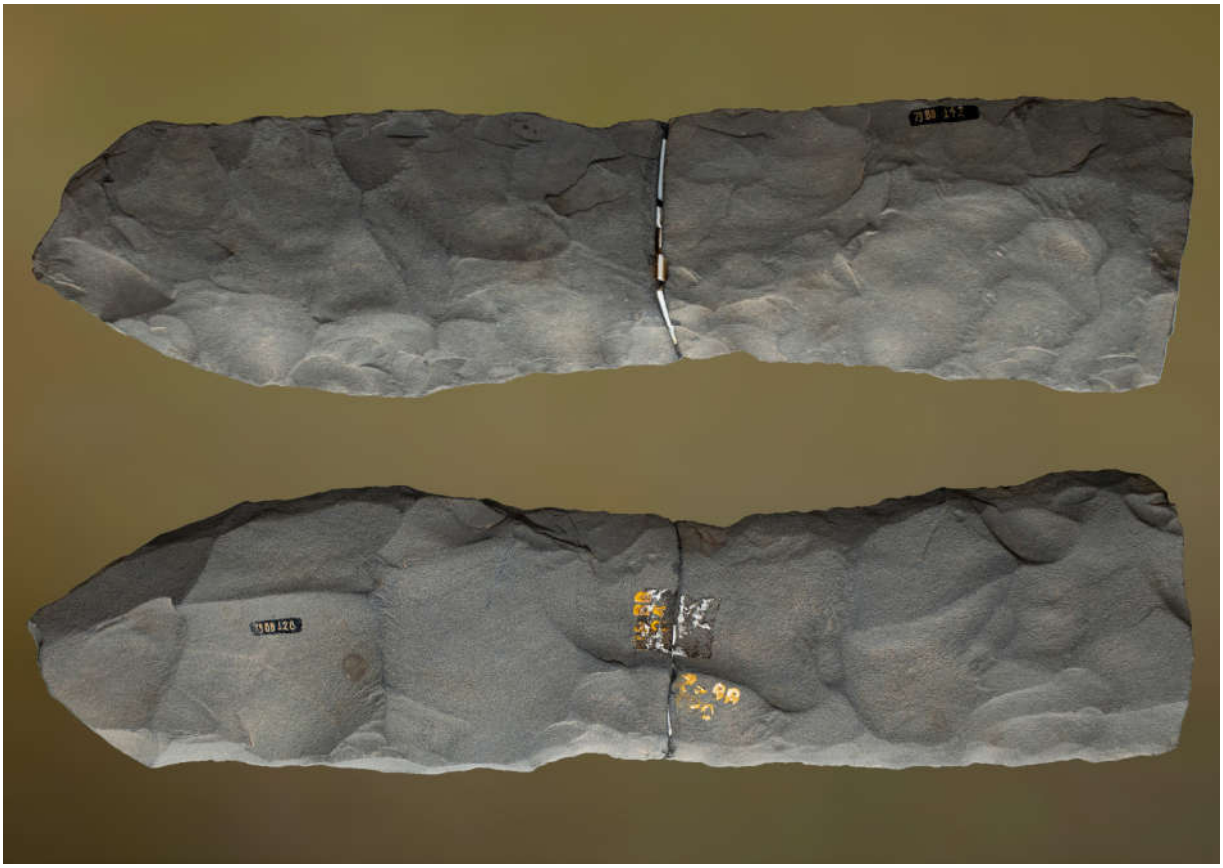

79BĐ117-79BĐ160

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 2.750
Số lượng *(Quantity)*: 2
Màu sắc *(Color)*: Xám xanh *(Blue gray)*
Tình trạng *(Status)*: Bị gãy giữa *(Bronken in middle)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 46
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 11,6
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 9,4
Dày nhất *(Thickest)*: 3,3
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 2,6

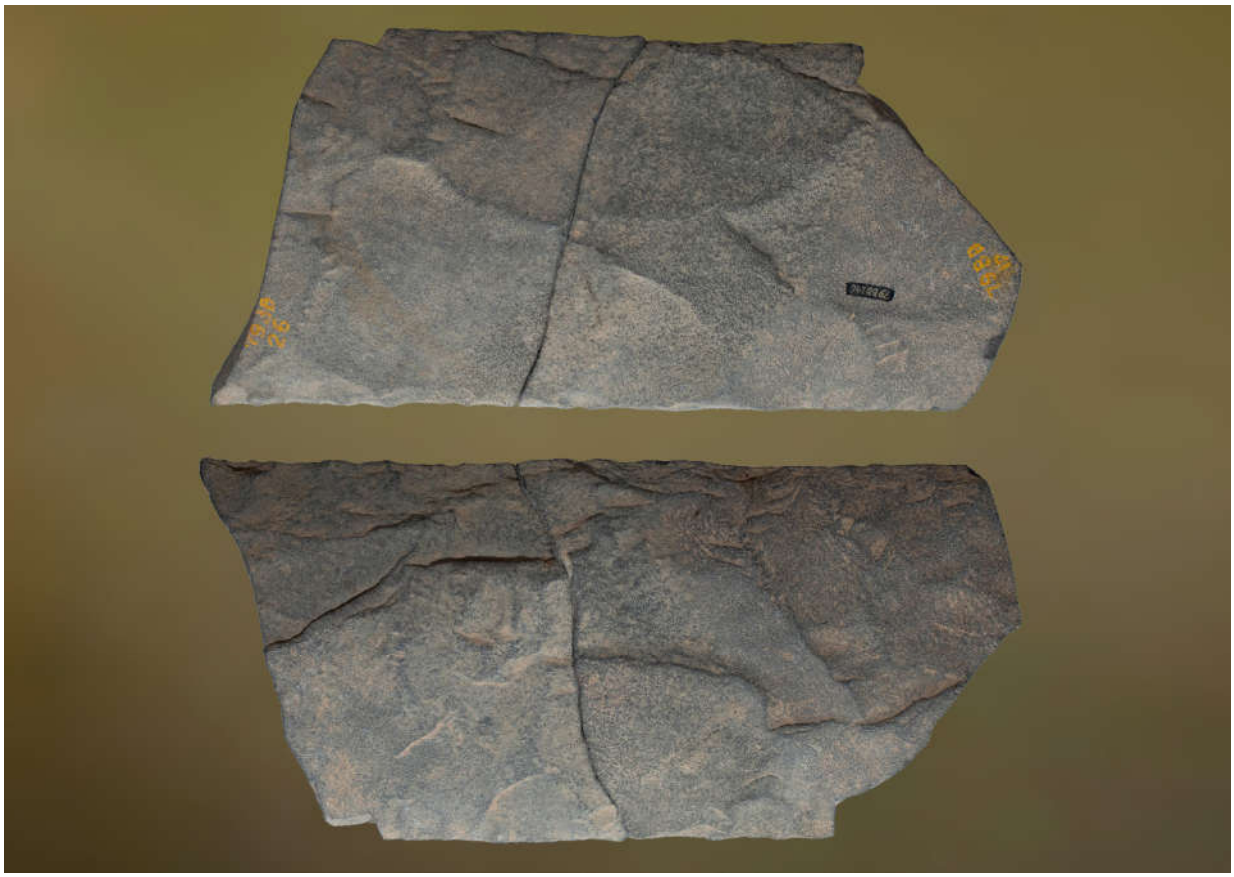

79BĐ146-79BĐ149

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 2.850
Số lượng *(Quantity)*: 2
Màu sắc *(Color)*: Xám xanh *(Blue gray)*
Tình trạng *(Status)*: Bị gãy đôi, bề mặt bị phong hóa *(Bronken in half, weathered surface)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 41
Rộng *(Width)*: 15
Dày nhất *(Thickest)*: 4,1
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 3

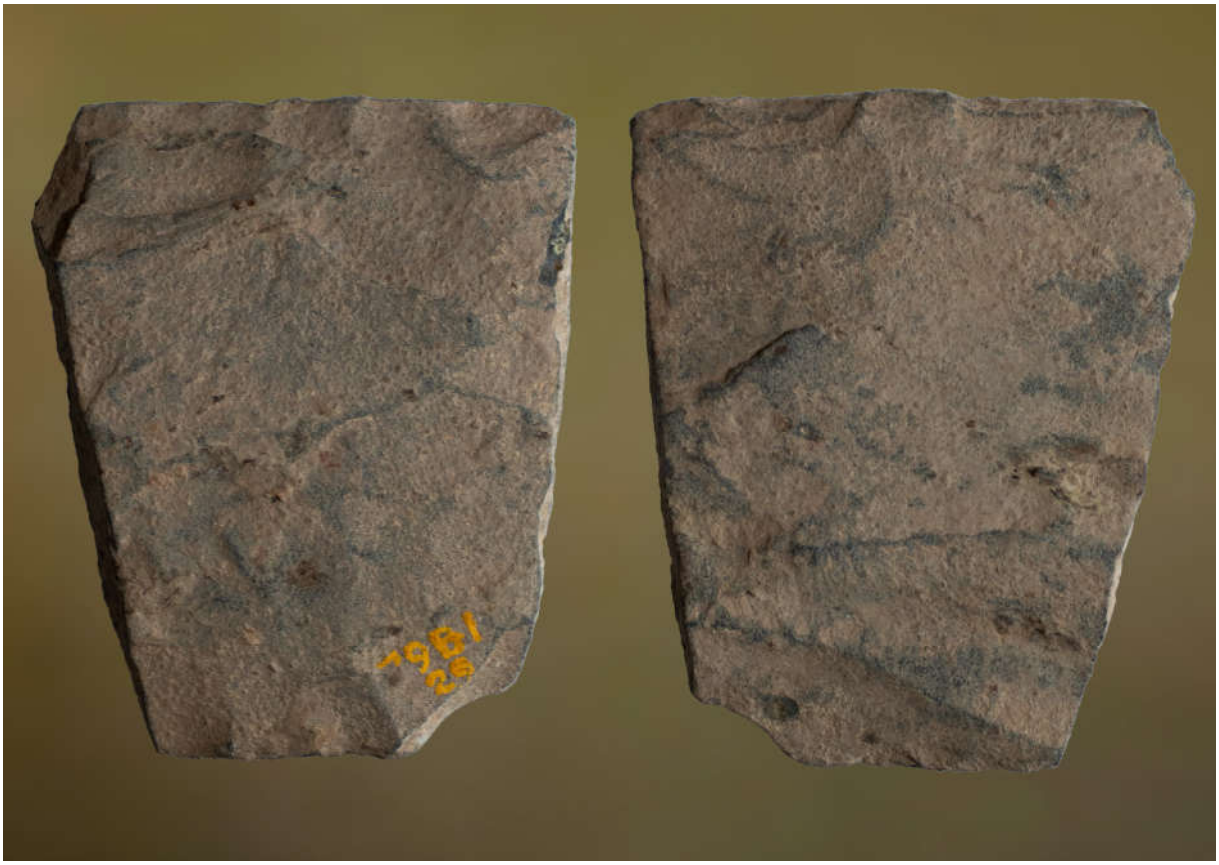

79BĐ113

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 690
Số lượng *(Quantity)*: 1
Màu sắc *(Color)*: Xám xanh *(Blue gray)*
Tình trạng *(Status)*: Bị gãy hai đầu *(Bronken two heads)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 12
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 14,7
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 14,5
Dày nhất *(Thickest)*: 2,7
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 2,5

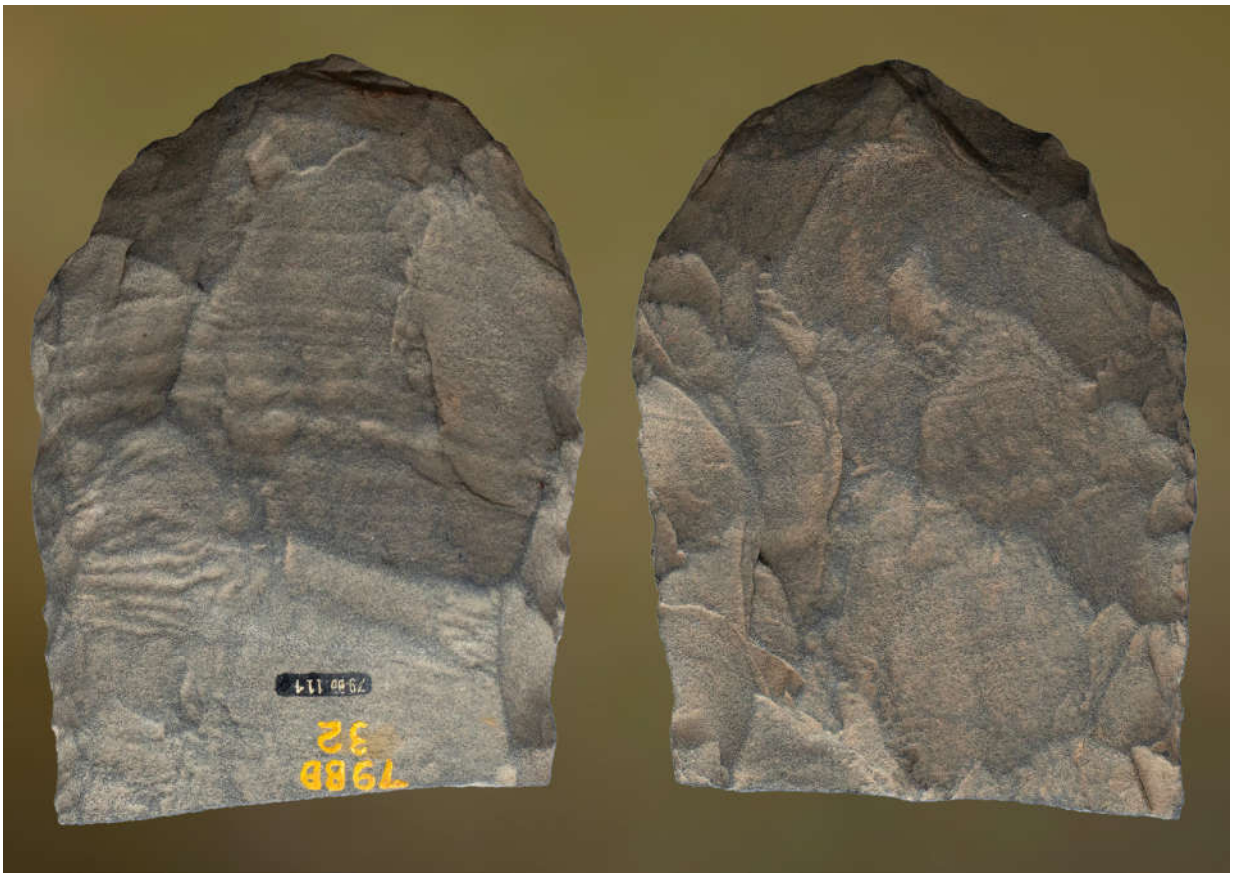

79BĐ114

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 1.550
Số lượng *(Quantity)*: 1
Màu sắc *(Color)*: Xám nâu *(Brown gray)*
Tình trạng *(Status)*: Bị gãy một đầu *(Bronken one head)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 18,5
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 13,1
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 12,1
Dày nhất *(Thickest)*: 3,3
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 3,2

79BĐ115

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 690
Số lượng *(Quantity)*: 1
Màu sắc *(Color)*: Xám xanh *(Blue gray)*
Tình trạng *(Status)*: Bị gãy hai đầu *(Bronken two heads)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 13,7
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 10,6
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 9,3
Dày nhất *(Thickest)*: 3
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 2,5

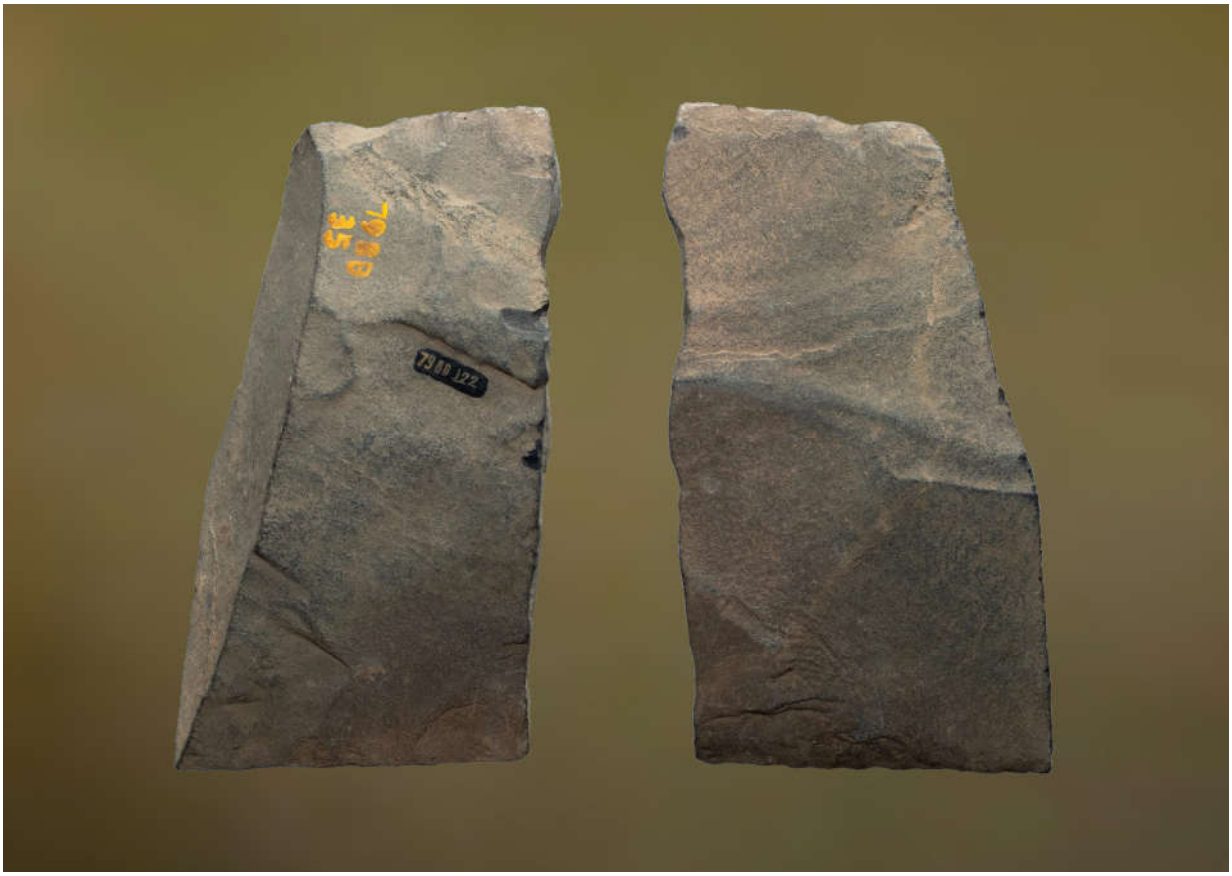

79BĐ122

Trọng lượng *(Weight)* (gr): 900
Số lượng *(Quantity)*: 1
Màu sắc *(Color)*: Xám nâu *(Brown gray)*
Tình trạng *(Status)*: Bị gãy hai đầu *(Bronken two heads)*

Kích thước *(Dimension)* (cm):
Dài *(Length)*: 8,9
Rộng đầu lớn *(Width of large head)*: 16,6
Rộng đầu nhỏ *(Width of small head)*: 16
Dày nhất *(Thickest)*: 4,4
Mỏng nhất *(Thinnest)*: 4,2